

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú, khai thác nguồn nước mặt cho công trình thủy điện A Lin B1

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 684/GP-BTNMT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và giấy phép số /GP-BTNMT ngày tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với công trình thủy điện A Lin B1;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú cho công trình thủy điện A Lin B1 và Hồ sơ kèm theo;

Căn cứ biên bản họp hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước công trình thủy điện A Lin B1;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú (địa chỉ tại số 189 Phạm Văn Đồng, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) theo các Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Bộ Tài nguyên và Môi trường của Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú đối với công trình thủy điện A Lin B1 với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: thủy điện A Lin B1.
2. Mục đích sử dụng nước của công trình: phát điện.
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện (điện lượng trung bình hằng năm là 140,105 triệu kWh).
4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với mục đích khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện là: 1.305,11 đồng/kWh (70% x 1.864,44 đồng/kWh).

5. Tổng số tiền phải nộp (từ năm 2019 đến năm 2030): **18.575.804.000** đồng, trong đó:

- Số tiền phải nộp năm 2019 là: 250.487.000 đồng.
- Số tiền phải nộp hằng năm của các năm tiếp theo là: 1.828.524.000 đồng.
- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (năm 2030) là: 40.077.000 đồng.

6. Phương án nộp tiền: nộp theo Quý.

7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền cụ thể thực hiện theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 13 và Điều 17 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 thì Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế và Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở TN&MT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, VP, TNN (02), HSCP (02).

Lê Công Thành